

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **287/2021/HS-PT**

Ngày 10-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Huỳnh Hoa;**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Quyên;**

Bà **Bùi Kim Rết.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Minh-** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Sương** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 227/2021/TLPT-HS, ngày 23 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo **Tổng Văn Q** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2021/HS-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị cáo có kháng cáo: **Tổng Văn Q**, sinh năm 1982 tại Đồng Nai; nơi cư trú: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tổng Văn D** (đã chết) và bà **Tô Thị G**, sinh năm 1957; bị cáo có vợ và 04 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/12/2020 đến ngày 30/12/2020. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Ngoài ra, còn có bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/12/2020, **Tổng Văn Q** điều khiển xe mô tô biển số 75U1 – 4343 lưu thông trên đường N thuộc thôn B1, ấp A1, xã B2, huyện T. Khi đi ngang qua tiệm trà sữa của chị **Bùi Thị H**, thấy chị H đang gọi điện thoại nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại. Sau đó, Q dựng xe mô

tô trước cửa quán và đi vào hỏi mua 05 ly trà sữa, chị H để điện thoại di động hiệu Samsung S10+ đang sử dụng vào ngăn tủ quầy bán hàng rồi đến bàn pha chế trà sữa cho Q (cách ngăn tủ khoảng 02 m). Lợi dụng lúc chị H không để ý, Q lén lút mở ngăn tủ quầy bán hàng lấy trộm điện thoại di động hiệu Samsung S10+ và nói với chị H sẽ quay lại lấy trà sữa sau rồi đi ra ngoài ngồi lên xe mô tô nổ máy chạy. Chị H phát hiện bị mất điện thoại di động nên đuổi theo kéo đuôi xe của Q lại, rút chìa khóa xe và tri hô thì anh Châu Đức B2 và anh Lộ Xuân Q ở gần đó chạy đến hỗ trợ bắt giữ Q giao Công an xã B2 lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang.

Ngày 28/12/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10+ trị giá 6.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2021/HS-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Tổng Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tổng Văn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/12/2020 đến ngày 30/12/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/5/2021, bị cáo Tổng Văn Q có đơn kháng cáo xin chuyển hình phạt tù sang cải tạo không giam giữ do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi nhiều con nhỏ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi mở phiên tòa bị cáo cung cấp Đơn trình bày và xin cứu xét (có xác nhận của UBND phường Tân Hòa) về việc bị cáo là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/12/2020, tại thôn B1, ấp A1, xã B2, huyện T, tỉnh Đồng Nai, bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10+ của chị Bùi Thị H, trị giá 6.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh tại địa phương. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo mức hình phạt 06 tháng tù là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cung cấp đơn xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện tại do ảnh hưởng của dịch bệnh nên vợ bị cáo bị mất việc làm, bị cáo là người lao động duy nhất trong gia đình phải nuôi mẹ đã cao tuổi, vợ và 04 con còn nhỏ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh thật sự khó khăn phải lao động nuôi nhiều người phụ thuộc, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và tại phiên tòa bị cáo cung cấp giấy xác nhận của địa phương như đã nêu trên là tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 điều 51 BLHS, nên xét không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo lao động, chăm sóc, nuôi dưỡng các con và mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

[5] Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Tống Văn Q, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2021/HS-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T về hình phạt do khách quan.

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo **Tổng Văn Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tổng Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Tổng Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND huyện T (2);
- VKSND huyện T (1);
- Công an huyện T (1);
- Chi cục THADS T (1);
- Phòng HSNV-Công an Đồng Nai (1);
- UBND phường T (1);
- Bị cáo, bị hại (2);
- Lưu hồ sơ, VP, THS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Triệu Thị Huỳnh Hoa